

Trà Cú, ngày 26 tháng 5 năm 2025

Số: 135/2025/QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Tiết N, sinh ngày 15/02/1984

Địa chỉ: ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị Tiết N là Luật sư Thạch Văn T - Văn Phòng Luật sư Trương Minh L thuộc đoàn Luật sư tỉnh T.

- *Bị đơn*: Ông Trương Tuấn A, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Phạm Thị Tiết N và ông Trương Tuấn A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Tiết N và ông Trương Tuấn A thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung có 02 người con tên Trương Tuấn A1, sinh ngày 22/10/2011, Trương Tuấn H, sinh ngày 12/01/2023, bà Phạm Thị Tiết N và ông Trương Tuấn A thỏa thuận thống nhất như sau:

Ông Trương Tuấn A đồng ý giao con chung tên Trương Tuấn A1, sinh ngày 22/10/2011, Trương Tuấn H, sinh ngày 12/01/2023 cho Phạm Thị Tiết N được

trực tiếp nuôi dưỡng (đây cũng là ý chí nguyện vọng của cháu A1 và H được sống với mẹ là bà Phạm Thị Tiết N) và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này. Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung có 01 căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số: 1110, tờ bản đồ số 5, diện tích 328m² loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh bà Phạm Thị Tiết N và ông Trương Tuấn A tự thỏa thuận thống nhất với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng yêu cầu Tòa án ghi nhận vào biên bản hòa giải là ông Trương Tuấn A đồng ý giao thửa số: 1110, diện tích 328m² loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh do bà Phạm Thị Tuyết N1 đứng tên giấy chứng nhận và 01 căn nhà cấp 4 trên thửa đất số: 1110, diện tích 328m² loại đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh cho bà N1 và các con được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Tiết N và ông Trương Tuấn A thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), bà Phạm Thị Tiết N và ông Trương Tuấn A mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Phạm Thị Tiết N tự nguyện chịu án phí thay cho ông Trương Tuấn A nên được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0002954 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Tiết N số tiền tạm ứng án phí còn thừa bằng 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002954 ngày 06/01/2025 và số tiền 3.250.000 đ (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002957 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THA huyện Trà Cú;
- UBND xã Châu Điền ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Kim Riêng